

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **25/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 27-10-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Khánh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét số 25/2021/QĐST- HNGĐ ngày 24/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Bích H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 3K Ấp M, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Đình Quốc V, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 22 Lê Công K, tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích H trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và anh Lê Đình Quốc V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, đến tháng 01/2019 thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn sống chung với nhau nữa. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn

nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Đình Quốc V.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 02/01/2014, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Đình Quốc V đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Đoàn Thị Bích H được ly hôn với anh Lê Đình Quốc V. Về con chung giao con chung cháu Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 02/01/2014 cho chị Đoàn Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu C đến tuổi trưởng thành, ghi nhận chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Tòa án nhân dân thị xã B nhận được đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị Bích H và thụ lý việc khởi kiện của chị H là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Lê Đình Quốc V không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 27/10/2021 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên

HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Bích H, anh Lê Đình Quốc V có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, đến tháng 01/2019 thì vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn sống chung với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn nên bà H đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho ly hôn với anh Lê Đình Quốc V. Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2021 tại chính quyền địa phương thì xác định gia đình chị H, anh V có mâu thuẫn từ đầu năm 2015, nguyên nhân cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không biết. Anh V, chị H đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đoàn Thị Bích H, anh Lê Đình Quốc V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Đoàn Thị Bích H và anh Lê Đình Quốc V ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Lê Đình Quốc V, chị Đoàn Thị Bích H có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 02/01/2014. Hiện nay cháu Lê Ngọc Phương C đang ở với chị H và cháu C cũng có nguyện vọng ở với mẹ, Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 02/01/2014 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu C. Anh Lê Đình Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Đoàn Thị Bích H được quyền ly hôn với anh Lê Đình Quốc V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Ngọc Phương C, sinh ngày 02/01/2014 cho chị Đoàn Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đình Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đoàn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0018140 ngày 05/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- UBND P. Th;
- UBND huyện H, TP. HCM;
- Chi cục THA dân sự Tx. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn